TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2020
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

2. Ông **Trần Trung Nhân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Cẩm** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 855/2019/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp *"Xin Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh P,** sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 289, tổ 15, khu 4, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Quang H,** sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 259b, tổ 13, khu 4, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Chị P có mặt tại phiên tòa; anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh P trình bày: Chị và anh Trần Quang H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H hay nhậu nhẹt, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình. Chị có khuyên anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Anh, chị đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 12/2018 đến nay. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Trần Quang K, sinh ngày 16/11/2010. Hiện do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Trần Quang H không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc chị P xin ly hôn với anh và yêu cầu nuôi con chung, đồng thời vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Riêng đối với bị đơn anh H vi phạm quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc vắng mặt của đương sự*: Xét thấy, anh Trần Quang H là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ để xét xử việc chị P khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân và nuôi con chung của chị và anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung giữa chị và anh H nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh P và anh Trần Quang H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Bè theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 12/8/2010 nên xác định hôn nhân của anh – chị là hợp pháp. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị P trình bày do anh H hay nhậu nhẹt, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình. Chị có khuyên anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Anh, chị đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 12/2018 đến nay. Còn anh H, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Toà án thông báo, triệu tập hợp lệ việc chị P xin ly hôn anh, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị P. Đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P và cho chị P được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị P và anh H có 01 con chung tên Trần Quang K, sinh ngày 16/11/2010. Hiện do phía chị P đang nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay cũng đã ổn định. Đồng thời theo nguyện vọng của con chung cũng muốn được sống với mẹ nên tiếp tục giao con chung cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị P và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh P.

Cho chị Nguyễn Thị Ánh P được ly hôn với anh Trần Quang H.

2. Về con chung:

- Tiếp tục giao con chung tên Trần Quang K, sinh ngày 16/11/2010 cho chị P nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Chị P chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002806 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như chị P đã thi hành xong phần án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh H được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND thị trấn Cái Bè, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM VĂN NHỊN